TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 30 tháng 12 năm 2022.
V/v:*"Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Hảo, ông Nguyễn Đình Phượng.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 13/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích H – Sinh năm 1991
Trú tại: Thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).
- Bị đơn: Anh Trương Văn Ph - sinh năm 1986
Trú tại: Thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2022, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Bích H trình bày:

Chị và anh Trương Văn Ph đăng ký kết hôn ngày 07/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019, thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân là do anh Ph ham chơi, không lo cho gia đình vợ con, tính tình thay đổi, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã bất hòa.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Chị H và anh Ph có 02 con chung là cháu Trương Thị Quỳnh Nh – sinh ngày 15/4/2012 và cháu Trương Trần Minh T – sinh ngày 08/01/2017.

Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh Trương Văn Ph đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án lập biên bản không hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị Bích H và anh Trương Văn Ph tại Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn 06, xã E, huyện B. Qua xác minh tại địa phương thì được biết chị H và anh Ph có mâu thuẫn cải nhau và hai người đã sống ly thân. Tòa án huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị H vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh Trương Văn Ph, còn anh Ph thì không đến Tòa án để làm việc, nên không hoà giải được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị Trần Thị Bích H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Ph. Về con chung, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trương Thị Quỳnh Nh – sinh ngày 15/4/2012 và cháu Trương Trần Minh T – sinh ngày 08/01/2017 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích H. Xử cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn với anh Trương Văn Ph.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Quỳnh Nh – sinh ngày 15/4/2012 và cháu Trương Trần Minh T – sinh ngày 08/01/2017 cho chị Trần Thị Bích H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; chị Trần Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn Ph đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Trương Văn Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Trần Thị Bích H và anh Trương Văn Ph có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk ngày 07/3/2011 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do anh Ph ham chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con, tính tình thay đổi, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã bất hòa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Trần Thị Bích H và anh Trương Văn Ph sinh sống thì được biết chị H và anh Ph thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị H nhất quyết đòi ly hôn với anh Ph. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích H, xử cho chị H được ly hôn với anh Trương Văn Ph là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trương Thị Quỳnh Nh, cháu Trương Trần Minh T đều còn nhỏ, đang ở với chị H và có nguyện vọng sống với mẹ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị Quỳnh Nh – sinh ngày 15/4/2012 và cháu Trương Trần Minh T – sinh ngày 08/01/2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị H thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích H.

- *Về quan hệ hôn nhân***:** Chị Trần Thị Bích H được ly hôn với anh Trương Văn Ph.

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trương Thị Quỳnh Nh – sinh ngày 15/4/2012 và cháu Trương Trần Minh T – sinh ngày 08/01/2017 cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu nên không đề cập.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Bích H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0019102 ngày 04/10/2022.

- Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Bích H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Trương Văn Ph vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- THADS huyện B;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.